| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THỦ THỪA**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 16/2023/HS-ST
Ngày: 25-4-2023.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Quốc Tiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1- Ông Trần Văn Nhị.

2- Ông Nguyễn Hồng Phong.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thúy An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

***- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Anh Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Quốc L. Sinh năm 1986, tại tỉnh Bến Tre. Giới tính: Nam. Nơi đăng ký HKTT: 523/10 Ba Đình, Phường C, Quận B, TP. Hồ Chí Minh. Chỗ ở hiện nay: Ấp Phú, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Nghề ngH: Làm thuê. Trình độ học vấn: 01/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Phạm Quốc M, sinh năm 1963 và bà Liêu Thị T, sinh năm 1960. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân chưa bị xử phạt hành chính, chưa có án tích. Bị can bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thủ Thừa từ ngày 02/9/2022 đến nay. (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

*Bị hại:*

1- Ông Trần Trọng L, sinh năm 1977. Địa chỉ: Khu phố 5, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

2- Ông Ngô Văn C, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

3- Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ô11/65B ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1- Ông Nguyễn H H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 138 Nguyễn Thị Bảy, phường P, thành phố T, tỉnh Long An. (có mặt)

2- Anh Dương Duy T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp Tân Bình 2A, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

3- Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp Mỹ An B, xã A, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

4- Ông Bùi Tấn H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp Long Hòa B, xã Đ, thành phố T, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

5- Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp Tân Bình 2A, xã Bh, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

6- Bà Lê Thị Bích N, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

7- Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp Trung Hậu, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

*Người làm chứng:* Anh Lữ Quốc Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp 1, xã Mỹ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài, Phạm Quốc L nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách L sẽ gọi điện thoại đến các cửa hàng vật liệu xây dựng và xưng tên giả, đặt mua vật liệu xây dựng (VLXD) và chỉ định địa điểm giao nhận hàng. Sau khi được giao một phần đơn hàng thì L nói cửa hàng tiếp tục giao đủ số lượng rồi trả tiền một lần, trong thời gian người của cửa hàng quay về chở tiếp thì L kêu xe tải đến chở hết hàng đã nhận đi bán lại cho cửa hàng VLXD khác. Với phương thức, thủ đoạn trên, tháng 6/2022 Phạm Quốc L đã thực hiện 03 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

Vụ thứ 1: Vào ngày 18-6-2022, L điều khiển xe mô tô biển số 71F2-4904 đi từ nhà (ấp Phú, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre) đến địa bàn thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. L tra cứu trên Google để tìm cửa hàng VLXD ở xung quanh và sử dụng số điện thoại 0768839247 gọi vào số điện thoại 0913764397 của ông Trần Trọng L là chủ cửa hàng VLXD Trọng L, địa chỉ khu phố 5, Phường 4, thị xã Gò Công. L xưng tên là "Hùng" hỏi mua sắt xây dựng gồm: Thép (sắt) phi 14 là 40 cây, thép phi 12 là

60 cây, thép phi 10 là 95 cây, thép (sắt) cuộn xây dựng phi 8 là 261kg, thép cuộn phi 6 là 305 kg và kẽm buộc 20 kg (giá tiền là 48.361.000 đồng). L hẹn sáng mai giao hàng tại khu vực bãi đất trống gần cổng chào thị xã Gò Công thuộc ấp Bình Cách, xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang và được ông L đồng ý. Sau đó L thuê xe tải của anh Dương Duy T chở hàng từ thị xã Gò Công đến thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long và nhờ anh T tìm thuê 04 người bốc vác vật liệu lên xe. Hai bên thống nhất tiền chở thuê là 3.500.000 đồng, tiền thuê bốc vác là 400.000đ/người và hẹn sáng ngày 19-6-2022 chở hàng. Khoảng 8 giờ ngày 19-6-2022, L gọi điện thoại cho ông L kêu giao sắt và kẽm như đã hẹn, sau khi nhận hàng L ký tên "Hùng" vào hóa đơn bán hàng và nói với người giao hàng là L đã hẹn với ông L chủ cửa hàng sẽ trả tiền sau. Sau đó, L gọi điện thoại chỉ đường cho anh T chạy xe đến chỗ để vật liệu để chở hàng rồi L điều khiển xe mô tô đi về huyện Chợ Gạo. Anh T điều khiển xe ô tô tải biển số 70C-070.73 chở Bùi Văn Đ, Dương Minh T, Phan Thanh S và một người tên Ân (không rõ lai lịch) đến khiêng sắt, kẽm lên xe tải. Anh T lái xe ô tô tải đến huyện Chợ Gạo thì gặp L, L trả tiền cho 04 người bốc vác rồi những người này đi về, còn L lên xe tải của T đi về hướng Vĩnh Long. Trên đường đi, ông L gọi điện thoại kêu L trả tiền thì L nói dối là vợ của L đang về đến cầu Mỹ Lợi và sẽ đến cửa hàng để trả tiền, ông L tin thật nên đồng ý. Anh T chở L đến cửa hàng VLXD Minh C thuộc ấp Trung Hậu, xã Trung Thành Tây, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, L bán hết sắt và kẽm trên cho anh Nguyễn Minh C là quản lý cửa hàng VLXD Minh C được số tiền 16.000.000 đồng. L trả cho anh T 3.500.000 đồng tiền công, số tiền bán sắt còn lại L tiêu xài cá nhân hết, sim số điện thoại 0768839247 thì L vứt bỏ.

Vụ thứ 2 và thứ 3: Sáng ngày 27-6-2022, L điều khiển xe mô tô biển số 71F2-4904 đi đến địa bàn huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An và phát hiện cửa hàng VLXD Bảy Đảm III thuộc ấp 1, xã T, huyện T của ông Lê Văn Đ. L sử dụng số điện thoại 0707406003 gọi vào số điện thoại 0902385258 của ông Nguyễn H H là quản lý cửa hàng VLXD Bảy Đảm III, L xưng tên là "Minh" đặt mua vật liệu xây dựng để xây hàng rào. Số lượng gồm sắt phi 14 là 60 cây, sắt phi 12 là 80 cây, sắt phi 10 là 95 cây, sắt cuộn phi 8 là 350 kg, sắt cuộn phi 6 là 350 kg và 15kg kẽm buộc, 10 bao xi măng, 10$m^3$ đá 1x2, 10$m^3$ cát hồ (giá tiền là 79.655.000 đồng), địa điểm giao hàng là bãi đất trống đối diện cầu Cống Bình thuộc ấp 1, xã T, huyện T và hẹn ngày 28-6-2022 giao vật liệu, ông H đồng ý.

L tiếp tục đi khoảng 02km thì gặp cửa hàng VLXD và trang trí nội thất Phú Hưng thuộc ấp 2, xã T, huyện T của ông Ngô Văn C. L sử dụng số điện thoại 0707406003 gọi vào số điện thoại 0946701304 của ông C, L xưng tên là "Hùng" đặt mua vật liệu xây dựng để xây nhà. Số lượng gồm sắt phi 10 là 95 cây, sắt phi 12 là 80 cây, sắt phi 14 là 75 cây, sắt cuộn phi 8 là 334kg và sắt cuộn phi 6 là 358 kg (giá tiền là 62.411.000 đồng), địa điểm giao hàng là bãi đất trống gần tiệm tạp hóa thuộc ấp 2, xã M, huyện T. L hẹn ngày 28-6-2022 giao vật liệu và L sẽ đón, ông C đồng ý.

Sau đó, L gọi điện thoại cho Dương Duy T thuê xe tải chở hàng. L cho T biết điểm nhận hàng là tại xã M, huyện T, tỉnh Long An và chở đến huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. L nhờ T tìm 03 người bốc vác vật liệu lên xe, T báo giá cước chở thuê là 3.500.000 đồng, tiền nhân công bốc vác là 500.000 đồng/người, hai bên thống nhất và hẹn sáng ngày 28-6-2022 sẽ chở hàng.

Sáng ngày 28-6-2022, L gọi điện thoại cho ông H để kêu giao hàng, do không đủ sắt phi 14 nên L kêu ông H đầu giờ chiều giao tiếp sắt phi 14 cùng với cát, đá và xi măng. Khoảng 10 giờ cùng ngày, ông H kêu người chở sắt, kẽm đến khu vực cầu Cống Bình giao cho L, số lượng gồm 80 cây sắt phi 12, 95 cây sắt phi 10, 350 kg sắt cuộn phi 8, 350kg sắt cuộn phi 6 và 15kg kẽm buộc. Sau đó, L gọi điện thoại chỉ đường cho Dương Duy T điều khiển xe ô tô tải cùng 03 người bốc vác là Bùi Văn Đ, Nguyễn Văn V và Bùi Tấn H đến điểm chở hàng. Sau khi đem hết sắt lên xe tải của T thì L kêu T chạy đến tiệm tạp hóa thuộc địa bàn ấp 2, xã M, huyện T để chở thêm sắt. Lúc này, L gọi cho ông Ngô Văn C để kêu giao sắt, ông C kêu người giao số lượng sắt gồm 95 cây sắt phi 10, 80 cây sắt phi 12, 75 cây sắt phi 14, 334kg sắt cuộn phi 8 và 358 kg sắt cuộn phi 6 cho L tại sân nhà bà Lê Thị Bích N cách đó khoảng 50m (L có đưa bà N 200.000 đồng do mượn được chỗ đậu xe tải để xuống và lên hàng). Khi nhận hàng, L ký tên "Hùng" vào hóa đơn và nhờ Dương Duy T viết dùm L là "nhận đủ số lượng, chưa thanh toán" do L không biết viết và nói với người giao hàng quay về chở thêm xi măng xong sẽ tính tiền một lần. Sau đó, L gọi điện thoại cho ông H nói dối là vợ của L bị tai nạn ở Gò Đen, L hẹn chiều sẽ ghé cửa hàng trả tiền và giao số hàng còn lại sau, ông H tin thật nên đồng ý. T chở vật liệu và L đi đến cửa hàng VLXD Minh C, L bán hết số lượng sắt, kẽm trên cho anh C được số tiền khoảng 45.000.000 đồng. L lấy tiền trả cho Dương Duy T 3.500.000 đồng tiền xe, 1.500.000 đồng tiền bốc vác và cho thêm 03 người bốc vác 1.000.000 đồng, tổng cộng L đưa cho T là 6.000.000 đồng. Số tiền bán sắt còn lại L tiêu xài cá nhân hết. Điện thoại di động cảm ứng (không rõ hiệu) và sim số điện thoại dùng để liên lạc với các của cửa hàng VLXD thì L đã vứt bỏ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thủ Thừa không thu hồi được.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thủ Thừa có thu giữ tang vật liên quan đến vụ án gồm:

01 xe mô tô biển số 71F2-4904 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0018379, Chi cục Thi hành án huyện Thủ Thừa đang quản lý chờ xét xử.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1010, màu đen và sim thuê bao số 0979554761 không liên quan đến vụ án. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thủ Thừa đã trả cho Phạm Quốc L.

01 xe ô tô tải, nhãn hiệu FOTON, biển số 70C-070.73. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thủ Thừa đã trả cho anh Dương Duy T.

01 phiếu giao vật liệu của cửa hàng VLXD và trang trí nội thất Phú Hưng được đánh số bút lục 131 chuyển theo hồ sơ vụ án.

Tiền Việt Nam 6.500.000 đồng, trong đó Dương Duy T giao nộp 6.300.000 đồng; Lê Thị Bích N giao nộp 200.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thủ Thừa đã tạm gửi tại Kho bạc nhà nước huyện Thủ Thừa theo giấy nộp tiền ngày 12-01-2023.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 641/KL-ĐGTS ngày 11-7-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thủ Thừa kết luận giá trị: 95 cây sắt phi 10, mỗi cây dài 11,7m; 80 cây sắt phi 12, mỗi cây dài 11,7m; 75 cây sắt phi 14, mỗi cây dài 11,7m; 334kg sắt phi 8 và 358kg sắt phi 6 tại thời điểm ngày 28-6-2022 là 61.437.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 65/KL-HĐĐGTS ngày 22-9-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện huyện Thạnh Hóa kết luận giá trị: 95 cây sắt phi 10; 80 cây sắt phi 12; 350kg sắt cuộn phi 8; 350kg sắt phi 6 và 15kg kẽm buộc tại thời điểm ngày 28/6/2022 là 44.575.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐGTS ngày 19-8-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang kết luận giá trị: 95 cây thép xây dựng phi 10; 60 cây thép xây dựng phi 12; 40 cây thép xây dựng phi 14; 261kg thép cuộn xây dựng phi 8 và 305kg thép cuộn xây dựng phi 6 và 20kg kẽm buộc tại thời điểm ngày 19-6-2022 là 45.547.850 đồng.

Tại Kết luận giám định số 1064/2022/KLGĐ ngày 16-11-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An kết luận: Số khung của chiếc xe mô tô cần giám định nêu trên phát hiện cắt hàn ghép; Số máy của chiếc xe mô tô cần giám định nêu trên phát hiện bị đục sửa, không phát hiện cắt hàn ghép (số máy nguyên thủy là: C50-3044765).

Tại Cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 24-02-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã truy tố Phạm Quốc L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Quốc L khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự bị cáo đồng ý bồi thường tài sản theo yêu cầu của bị hại.

Đ diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Phạm Quốc L đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và đề nghị áp dụng Điều 38, Điều 50, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Quốc L từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về vật chứng, xe mô tô của L sử dụng biển số 71F2-4904, số khung của xe bị cắt hàn ghép, số máy bị đục sửa không phù hợp với giấy đăng ký xe do đó tịch thu

sung vào công quỹ nhà nước. Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0018379 do người đứng tên không có nhu cầu lấy lại sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 6.500.000 đồng đang tạm gửi Kho bạc nhà nước trong đó có 500.000 đồng là tiền của bị cáo L đưa cho anh T thuê chỗ để giao nhận vật liệu, anh T đưa cho bà N 200.000 đồng, sau đó bà N đã nộp lại cho Cơ quan điều tra, anh T giữ 300.000 đồng, do đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước. Số tiền còn lại 6.000.000 là tiền của cá nhân anh T nộp, số tiền này không trực tiếp liên quan đến tội phạm nên hoàn trả cho anh T.

Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo L phải bồi thường cho ông C số tiền là 62.411.000 đồng, ông Đảm 44.575.000 đồng, ông L 48.361.000 đồng. Anh Dương Duy T rút yêu cầu bồi thường thiệt hại do xe bị tạm giữ nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thủ Thừa và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa và Kiểm sát viên được phân công thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thủ Thừa và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận của bị cáo Phạm Quốc L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai của bị hại, người làm chứng. Từ đó có đủ cơ sở xác định để có tiền xài thỏa mãn nhu cầu cá nhân, Phạm Quốc L đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của các cửa hàng mua bán vật liệu xây dựng. L gọi điện thoại đến các cửa hàng vật liệu xây dựng, L xưng tên giả, đặt mua vật liệu xây dựng và chỉ định địa điểm giao nhận hàng. Sau khi được giao một phần vật liệu xây dựng theo đơn hàng thì L nói cửa hàng tiếp tục giao đủ số lượng rồi trả tiền một lần, trong thời gian người của cửa hàng quay về chở tiếp thì L kêu xe tải đến chở hết hàng đã nhận đi bán lại cho cửa hàng vật liệu xây dựng khác để lấy tiền tiêu sài. Cụ thể, ngày 19-6-2022 L đã chiếm đoạt tài sản của ông Trần Trọng L ở khu phố 5, Phường 4, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang trị giá là 45.547.850 đồng; ngày 28-6-2022, L đã chiếm đoạt tài sản của ông Ngô Văn C ở ấp 2, xã T, huyện T trị giá là 61.437.000 đồng và chiếm đoạt tài sản của của ông Lê Văn Đ ở ấp 1, xã T, huyện T trị giá là 44.575.000 đồng. Tổng giá tị tài sản mà L chiếm đoạt của các bị hại là 151.559.850 đồng thì hành vi của bị cáo L đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo

trạng số 15/CT-VKS ngày 24-02-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa truy tố để xét xử bị cáo L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm khoản nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với Dương Duy T là người chở hàng thuê, Nguyễn Minh C là người mua hàng của L đem bán những người này không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thủ Thừa không khởi tố điều tra xử lý là phù hợp.

[3] Về hình phạt: Bị cáo Phạm Quốc L nhận thức được hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện nhằm để có tiền tiêu xài thỏa mãn nhu cầu cá nhân, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải chịu trách nhiệm về hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Căn cứ vào mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thấy cần phải áp dụng cho bị cáo hình phạt tù để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 03 lần do đó áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năng hối cải do đó áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về vật chứng: Cơ quan điều tra có thu giữ xe mô tô của L sử dụng nhãn hiệu Honda, số loại nữ, biển số 71F2-4904, theo Kết luận giám định số 1064/2022/KLGĐ ngày 16-11-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An thì số khung của xe bị cắt hàn ghép, số máy bị đục sửa (số máy nguyên thủy là C50-3044765), không phù hợp với giấy đăng ký xe do đó tịch thu sung vào công quỹ nhà nước. Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0018379, biển số 71F2-4904 do người đứng tên giấy đăng ký không có nhu cầu lấy lại sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Đối với số tiền 6.500.000 đồng đang tạm gửi Kho bạc nhà nước trong đó có 500.000 đồng là tiền của bị cáo L đưa cho anh T thuê chỗ để giao nhận vật liệu, anh T đưa cho bà N 200.000 đồng, sau đó bà N đã nộp lại cho Cơ quan điều tra, do đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước. Anh Dương Duy T trình bày số tiền 6.000.000 đồng mà L đưa trả cho anh T vào ngày 28-6-2022 thì anh T đã đưa trả cho 03 người bốc vác là 2.500.000 đồng, còn 3.500.000 đồng là tiền xe vận chuyển thì anh T đã mua nhiên liệu cho xe hoạt động. Như vậy trong số tiền 6.300.000 mà anh T đã nộp cho cơ quan điều tra có 6.000.000 đồng là tiền của cá nhân anh T, số tiền này không trực tiếp liên quan đến tội phạm nên hoàn trả cho anh T.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa ông Trần Trọng L yêu cầu bồi thường tài sản bị chiếm đoạt với số tiền là 48.361.000 đồng, ông Ngô Văn C yêu cầu bồi thường với số tiền là 62.411.000 đồng, ông Lê Văn Đ yêu cầu bồi thường với số tiền là

44.575.000 đồng. Bị cáo L đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại, việc thỏa thuận bồi thường không trái với quy định tại Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự nên được ghi nhận. Trong quá trình điều tra anh Dương Duy T yêu cầu bị cáo L bồi thường thiệt hại 35.000.000 đồng do xe ô tô của anh T bị cơ quan điều tra tạm giữ không lưu hành, tại phiên tòa anh T rút toàn bộ yêu cầu này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo Phạm Quốc L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.767.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Quốc L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Quốc L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 02-9-2022.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Quốc L 45 ngày sau khi tuyên án để bảo đảm cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại nữ, biển số 71F2-4904 (số khung bị cắt hàn ghép, số máy bị đục sửa, số máy nguyên thủy là C50-3044765); Tịch thu tiêu hủy 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0018379, theo quyết định chuyển vật chứng số 06/QĐ-VKS ngày 24-02-2023 của Viện kiểm sát nhân đan huyện Thủ Thừa.

Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước số tiền 500.000 (Năm trăm ngàn) đồng; Hoàn trả anh Dương Duy T 6.000.000 (Sáu triệu) đồng trong số tiền 6.500.000 đồng do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thủ Thừa đã tạm gửi tại Kho bạc nhà nước huyện Thủ Thừa theo giấy nộp tiền ngày 12 tháng 01 năm 2023.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự, buộc Phạm Quốc L phải bồi thường cho

- Ông Trần Trọng L số tiền là 48.361.000 (Bốn mươi tám triệu ba trăm sáu mươi mốt ngàn) đồng.

- Ông Ngô Văn C số tiền là 62.411.000 (Sáu mươi hai triệu bốn trăm mười một ngàn) đồng.

- Ông Lê Văn Đ số tiền là 44.575.000 (Bốn mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho đến khi thi hành án xong, Phạm Quốc L còn phải trả thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Phạm Quốc L phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.767.000 (Bảy triệu bảy trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án này xử sơ thẩm, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 25-4-2023. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Chi cục THA-DS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quốc Tiến**